

Số: 38/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thu Hà và bà Lê Thu Thuý.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85//2025/QH15), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 213, khoản 2 Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 8 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 15/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ A, khu T, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: anh Trần Văn T, sinh năm 1979; nơi cư trú: tổ A, khu T, phường H, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T có 03 con chung là Trần Thị H, sinh ngày 06/9/2002, Trần Thị S, sinh ngày 13/12/2004 và Trần

Quang M, sinh ngày 13/02/2010. Chị Nguyễn Thị N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Quang M cho đến khi con chung Trần Minh Q đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung Trần Thị H và Trần Thị S đã thành niên, chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và khoản nợ chung: chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị N chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000419 ngày 27/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh.
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.
- UBND p Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hương